**Phụ lục**

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT** **DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH**

**BAN HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

**ĐỀ NGHỊ CẬP NHẬT HIỆU LỰC**

 *(Kèm theo Công văn 4855/BTP-KTVB&QLXLVPHC ngày 08/8/2025 của Bộ Tư pháp)*

| **STT** | **Cơ quan ban hành** | **Tên văn bản** | **Tình trạng hiệu lực/****Thông tin về kế hoạch, tình hình****sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ****văn bản (nếu có)** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. TỈNH AN GIANG** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 58/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh An Giang Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh An Giang |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 11/02/2025 của UBND tỉnh An Giang ban hành quy định phân cấp thẩm quyền tuyển dụng, sử dụng và thực hiện chế độ tiền lương đối với viên chức trên địa bàn tỉnh An Giang |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 25/09/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang Ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Kiên Giang |  |
| **II. TỈNH BẮC NINH** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 500/2014/QĐ-UBND ngày 28/11/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ,công chức, viên chức và người lao động |  |
| **III. TỈNH CÀ MAU** |
|  | **Hội đồng nhân dân** | Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 10/10/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau Ban hành chính sách khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức thôi việc trước tuổi nghỉ hưu (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 09/10/2024) |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quy định về phân cấp quản lý công chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Cà Mau |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 18/7/2024 của UBND tỉnh Bạc Liêu quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 23/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Bạc Liêu) (sau đây gọi là Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND) |  |
| **IV. THÀNH PHỐ CẦN THƠ** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh Cần Thơ về quản lý viên chức |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Hậu Giang |  |
| **V. TỈNH CAO BẰNG** |
|  | **Hội đồng nhân dân** | Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Cao Bằng Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026 |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Cao Bằng |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy chế quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Cao Bằng |  |
| **VI. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Đà Nẵng |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam |  |
| **VII. TỈNH ĐẮK LẮK** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý UBND tỉnh Phú Yên |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh Phú Yên Ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk quản lý  |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định 16/2022/QĐ-UBND ngày 26/04/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk (sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk và bãi bỏ một phần bởi Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk)  |  |
| **VIII. TỈNH ĐIỆN BIÊN** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND) |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 17/11/20022 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc tỉnh Điện Biên |  |
| **IX. TỈNH ĐỒNG NAI** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 92/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Đồng Nai |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 41/2010/QĐ-UBND ngày 25/5/2010 của UBND tỉnh Bình Phước quy định chế độ tiền lương trong thời gian tập sự, thử việc đối với công chức, viên chức, công chức cấp xã |  |
| **X. TỈNH ĐỒNG THÁP** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 30/09/2024 của UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tiền Giang |  |
| **XI. TỈNH GIA LAI** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh  |  |
| **XII. THÀNH PHỐ HÀ NỘI** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định về tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hà Nội |  |
| **XIII. TỈNH HÀ TĨNH** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người quản lý doanh nghiệp nhà nước, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh |  |
| **XIV. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hải Phòng |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý công chức tại các cơ quan hành chính nhà nước của thành phố Hải Phòng (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Quyết định số 71/2022/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 và Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024) |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024) |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp do UBND tỉnh quản lý |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh Hải Dương Quy định về chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ đi đào tạo sau đại học, thưởng phong học hàm, tặng danh hiệu đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh |  |
| **XV. THÀNH PHỐ HUẾ** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 06/05/2024 của UBND thành phố Huế ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND thành phố Huế quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế |  |
| **XVI. TỈNH HƯNG YÊN** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Hưng Yên |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học, thu hút nhân tài và khen thưởng khuyến khích tài năng tỉnh Hưng Yên |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 23/10/2022 của UBND tỉnh Thái Bình Ban hành quy định về quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Bình |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND tỉnh Thái Bình ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Thái Bình |  |
| **XVII. TỈNH KHÁNH HÒA** |
|  | **Hội đồng nhân dân** | Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chế độ hỗ trợ và thời gian thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức một số lĩnh vực thuộc tỉnh Khánh Hòa |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành quy định về thẩm quyền tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 13/02/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa Ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Khánh Hòa |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 13/02/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa Ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Khánh Hòa |  |
| **XVIII. TỈNH LAI CHÂU** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Lai Châu |  |
| **XIX. TỈNH LÂM ĐỒNG** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Đắk Nông |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 11/02/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã và xác định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 03/1/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng quy định về số lượng, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó các phòng, ban, chi cục và tương đương trở xuống thuộc sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lâm Đồng (sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 14/10/2021) |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng |  |
| **XX. TỈNH BÌNH THUẬN** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Thuận ngày 11/10/2024 ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Bình Thuận |  |
| **XXI. TỈNH LẠNG SƠN** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng thuộc UBND tỉnh quản lý |  |
| **XXII. TỈNH LÀO CAI** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 của UBND tỉnh Yên Bái quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức, thôi giữ chức vụ đối với công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Yên Bái ban hành Quy định về chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh Yên Bái |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Yên Bái quy định về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định 40/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Yên Bái quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Yên Bái |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Lào Cai  |  |
| **XXIII. TỈNH NGHỆ AN** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Nghệ An |  |
| **XXIV. TỈNH NINH BÌNH** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Hà Nam |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nam Định |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Bình |  |
| **XXV. TỈNH PHÚ THỌ** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Hòa Bình (được sửa đổi, bổ sung Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 14/6/2023)  |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hòa Bình (được sửa đổi, bổ sung bởi 48/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023) |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 21/2/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành quy định về tiêu chuẩn, điều kiện; trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh Phú Thọ |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc quy định về trách nhiệm người đứng đầu cơ quan Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ về Quy định quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Thọ |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về quản lý, phân cấp tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Vĩnh Phúc |  |
| **XXVI. TỈNH QUẢNG NGÃI** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 09/6/2024 của UBND tỉnh Kon Tum Ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và người quản lý doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định phân cấp, quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Quảng Ngãi (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 14/102/2024) |  |
| **XXVII. TỈNH QUẢNG NINH** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức giữ chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành quy định vê quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp có vốn góp của chủ sở hữu thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Quảng Ninh |  |
| **XXVIII. TỈNH QUẢNG TRỊ** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành quy định một số nội dung về phân công, phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Quảng Bình |  |
| **XXIX. TỈNH TÂY NINH** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Tây Ninh (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND) |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Long An ban hành Quy định chính sách thu hút nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2022-2025 (sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 24/2023/QĐ-UBND) |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định 37/2019/QĐ-UBND ngày 06/09/2019 của UBND tỉnh Long An quy định về mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An (sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 35/2023/QĐ-UBND)  |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định Số 07/2012/QĐ-UBND ngày 10/02/2012 của UBND tỉnh Long An ban hành Quy định chế độ hỗ trợ luân chuyển, điều động, biệt phái đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Long An (sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND; Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND; Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND)  |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 57/2012/QĐ-UBND ngày 18/10/2012 của UBND tỉnh Long An về việc quy định chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Long An (sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND) |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 54/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An (sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 10/2025/QĐ-UBND) |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh Long An ban hành Quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Long An (sửa đổi, bổ sung Quyết định 67/2024/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Long An)  |  |
| **XXX. TỈNH THÁI NGUYÊN** |
|  | **Hội đồng nhân dân** | Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên |  |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 16/05/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn Ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm; cán bộ, công chức, viên chức; người giữ chức danh, chức vụ, kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tỉnh Bắc Kạn |  |
| **XXXI. TỈNH THANH HÓA** |
|  | Ủy ban nhân dân | Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý |  |
| **XXXI. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** |
|  | UBND thành phố Hồ Chí Minh | Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh Bình Dương ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức, biên chế và cán bộ công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Bình Dương |  |
|  | UBND thành phố Hồ Chí Minh | Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Thành phố Hồ Chí Minh |  |
|  | UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  | UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
| **XXXII. TỈNH TUYÊN QUANG** |
|  | UBND tỉnh Tuyên Quang | Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | UBND tỉnh Tuyên Quang | Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 16/6/2025 của UBND tỉnh Hà Giang phân cấp nội dung về quản lý công chức, viên chức, tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh Hà Giang |  |
| **XXXIII. TỈNH VĨNH LONG** |
|  | UBND tỉnh Vĩnh Long | Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 30/03/2022 của UBND tỉnh Bến Tre quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Bến Tre |  |
|  | UBND tỉnh Vĩnh Long | Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh Trà Vinh quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập Nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh |  |
|  | UBND tỉnh Vĩnh Long | Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện; cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre |  |